

Số: 3974 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và giao kinh phí cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và các khoản chi khác bảo đảm hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5624/TTr-STC ngày 30 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và giao kinh phí cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Đối với chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của HĐND tỉnh:

a) Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ phê duyệt: 150.233 triệu đồng (một trăm năm mươi tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu đồng); trong đó:

- Dự toán kinh phí mua sắm trang phục lần đầu cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở: 48.517 triệu đồng (bốn mươi tám tỷ, năm trăm mười bảy triệu đồng).

- Dự toán kinh phí hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế, đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bồi dưỡng cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở: 101.716 triệu đồng (một trăm lẻ một tỷ, bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

b) Dự toán kinh phí giao đợt này: 111.716 triệu đồng (một trăm mười một tỷ, bảy trăm mười sáu triệu đồng); trong đó:

- Bổ sung dự toán kinh phí cho Công an tỉnh để mua sắm trang phục lần đầu cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở năm 2024 là: 10.000 triệu đồng (mười tỷ đồng). Phần dự toán kinh phí còn lại sẽ được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2025 sau khi xác định cụ thể kinh phí còn thiếu qua quá trình tổ chức thực hiện, lựa chọn nhà thầu và quyết toán được duyệt theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để hỗ trợ kinh phí thường xuyên hằng tháng, tiền đóng bảo hiểm y tế, đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bồi dưỡng cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở: 101.716 triệu đồng (một trăm lẻ một tỷ, bảy trăm mười sáu triệu đồng).

2. Phê duyệt dự toán và giao kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh: 36.711 triệu đồng (ba mươi sáu tỷ, bảy trăm mười một triệu đồng); trong đó:

a) Dự toán kinh phí bổ sung chi hoạt động của thôn, tổ dân phố: 5.444 triệu đồng (năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

b) Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động cho thủ trưởng của 04 tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố: 31.327 triệu đồng (ba mươi một tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu đồng).

3. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn chi quốc phòng - an ninh địa phương trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (các chính sách, đề án, nhiệm vụ phát sinh): 10.000 triệu đồng (mười tỷ đồng).

b) Nguồn chi quản lý hành chính trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (kinh phí tăng mức phụ cấp cán bộ chuyên trách, không chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và một số chế độ trợ cấp, phụ cấp, chính sách khác): 138.487 triệu đồng (một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm tám mươi bảy triệu đồng).

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định; đồng thời, có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo, công bố thông tin với cấp có thẩm quyền theo quy định; tham mưu đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị được bổ sung dự toán đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định; tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền đề nghị bố trí trong dự toán ngân sách năm 2025 để bổ sung phần kinh phí còn thiếu, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí được bổ sung kết hợp với nguồn kinh phí của ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện đúng các chính sách, chế độ, điều kiện, tiêu chuẩn, đối tượng, định mức, thực hiện chi trả kịp thời, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định; chịu trách nhiệm báo cáo, tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện tiền lương tăng thêm theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng cùng báo cáo cải cách tiền lương năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ, gửi về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

5. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Bảo hiểm xã hội tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện của Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục số 01:

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 27/2024/NQ-HĐND NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2024 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 31/2024/NQ-HĐND NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Đơn vị	Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ			Dự toán kinh phí hỗ trợ đợt này			Nguồn kinh phí	
		Tổng cộng	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND	Tổng cộng	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND	Nguồn chi quốc phòng - an ninh	Nguồn chi quản lý hành chính
	Tổng cộng	187.004	150.233	36.771	148.487	111.716	36.771	10.000	138.487
I	Khối tỉnh	48.517	48.517		10.000	10.000		10.000	
1	Công an tỉnh	48.517	48.517		10.000	10.000		10.000	
II	Khối huyện	138.487	101.716	36.771	138.487	101.716	36.771		138.487
1	TP. Thanh Hóa	9.945	7.317	2.628	9.945	7.317	2.628		9.945
2	TP. Sầm Sơn	2.753	2.026	727	2.753	2.026	727		2.753
3	TX. Bìn Sơn	1.840	1.349	491	1.840	1.349	491		1.840
4	TX. Nghi Sơn	7.628	5.616	2.012	7.628	5.616	2.012		7.628
5	H. Hà Trung	4.547	3.338	1.209	4.547	3.338	1.209		4.547
6	H. Nga Sơn	5.289	3.869	1.420	5.289	3.869	1.420		5.289
7	H. Hậu Lộc	4.894	3.601	1.293	4.894	3.601	1.293		4.894

STT	Đơn vị	Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ			Dự toán kinh phí hỗ trợ đợt này			Nguồn kinh phí	
		Tổng cộng	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND	Tổng cộng	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND	Nguồn chi quốc phòng - an ninh	Nguồn chi quản lý hành chính
8	H. Hoàng Hoá	7.704	5.650	2.054	7.704	5.650	2.054		7.704
9	H. Quảng Xương	6.005	4.416	1.589	6.005	4.416	1.589		6.005
10	H. Nông Cống	6.375	4.677	1.698	6.375	4.677	1.698		6.375
11	H. Đông Sơn	2.992	2.197	795	2.992	2.197	795		2.992
12	H. Triệu Sơn	8.079	5.932	2.147	8.079	5.932	2.147		8.079
13	H. Thọ Xuân	8.679	6.363	2.316	8.679	6.363	2.316		8.679
14	H. Yên Định	4.801	3.542	1.259	4.801	3.542	1.259		4.801
15	H. Thiệu Hoá	5.320	3.909	1.411	5.320	3.909	1.411		5.320
16	H. Vĩnh Lộc	3.550	2.612	938	3.550	2.612	938		3.550
17	H. Thạch Thành	6.365	4.683	1.682	6.365	4.683	1.682		6.365
18	H. Cẩm Thủy	3.854	2.848	1.006	3.854	2.848	1.006		3.854
19	H. Ngọc Lặc	6.775	4.975	1.800	6.775	4.975	1.800		6.775
20	H. Như Thanh	5.060	3.716	1.344	5.060	3.716	1.344		5.060
21	H. Lang Chánh	2.483	1.823	660	2.483	1.823	660		2.483
22	H. Bá Thước	6.495	4.763	1.732	6.495	4.763	1.732		6.495
23	H. Quan Hoá	3.360	2.456	904	3.360	2.456	904		3.360
24	H. Thường Xuân	3.977	2.929	1.048	3.977	2.929	1.048		3.977

STT	Đơn vị	Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ			Dự toán kinh phí hỗ trợ đợt này			Nguồn kinh phí	
		Tổng cộng	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND	Tổng cộng	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND	Dự toán kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND	Nguồn chi quốc phòng - an ninh	Nguồn chi quản lý hành chính
25	H. Như Xuân	4.017	2.944	1.073	4.017	2.944	1.073		4.017
26	H. Mường Lát	2.750	2.006	744	2.750	2.006	744		2.750
27	H. Quan Sơn	2.954	2.159	795	2.954	2.159	795		2.954

Phụ lục số 02:

**DANH MỤC SỐ LƯỢNG VÀ DỰ TOÁN MUA SẴM TRANG PHỤC
TRANG BỊ LẦN ĐẦU CHO LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO ĐẢM
AN NINH TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục trang phục	Danh mục và dự toán kinh phí mua sắm trang phục trang bị lần đầu			
		Định mức	Số lượng	Đơn giá dự toán (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Dự toán kinh phí được giao (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)
	Tổng cộng				48.517
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	01 cái	12.853	0,100	1.285
2	Quần áo xuân hè ngắn tay gắn phù hiệu tay áo	01 cái	12.853	0,460	5.912
3	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu tay áo	01 cái	13.053	0,275	3.590
4	Quần áo thu đông gắn phù hiệu tay áo	01 cái	13.053	0,635	8.289
5	Áo ấm gắn phù hiệu tay áo	01 cái	13.053	0,595	7.767
6	Áo sơ mi	01 cái	13.053	0,250	3.263
7	Caravat	01 cái	13.053	0,070	914
8	Dây lưng	01 cái	12.853	0,295	3.792
9	Giày da	01 cái	13.053	0,560	7.310
10	Bít tất	02 đôi	26.106	0,030	783
11	Quần áo mưa	01 cái	13.053	0,430	5.613